

Bản án số: **47/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/8/2021

V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số 139/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 20/2021/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2021 và Thông báo số 01/2021/TB-TA ngày 27 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị P, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp 8, xã Đ, huyện N, tỉnh Bình Phước. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 3, xã D, huyện N, tỉnh Bình Phước;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn bà P và bị đơn ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Bà Trịnh Thị P và ông Nguyễn Trọng Q đã tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã R, huyện C) vào ngày 08/3/2011, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011 (quyền số 01). Sau khi kết hôn,

vợ chồng chị P anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vì trong cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột kéo dài. Do đó tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc và thường xuyên liên lạc mà ai có cuộc sống riêng của người đó, kinh tế hoàn toàn độc lập. Nay Bà Trịnh Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Trịnh Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày: 24/8/2012. Từ khi vợ chồng chúng tôi xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân đến nay cháu Trâm do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn, nguyên đơn bà P yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giao cho bà P được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về phần cấp dưỡng: Không yêu cầu ông Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nguyên đơn bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Trong thời gian chung sống vợ chồng, không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Q tại bản tự khai trình bày:

Ông Nguyễn Trọng Q và bà Trịnh Thị P tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R huyện B (nay là huyện C) tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ký cấp ngày 18/3/2011. Trong cuộc sống đôi lúc có cãi vã do bất đồng quan điểm, trước đó vợ chồng tôi cũng đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng để giải quyết việc ly hôn nhưng vì gia đình, con cái nên vợ chồng chúng tôi cũng đã suy nghĩ lại và rút đơn để vợ chồng về chung sống với nhau. Tuy nhiên khi về chung sống với nhau tình cảm vợ chồng không còn được hạnh phúc như trước. Từ giữ năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chúng tôi đã sống ly thân. Nay bà Trịnh Thị Phụng yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Trọng Q đồng ý thuận tình ly hôn với bà Trịnh Thị P.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 24/8/2012. Hiện nay cháu đã lớn, có quyền lực chọn, cháu nào có nguyện vọng chung sống với ai thì người có đó trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng chăm lo, dạy dỗ cho cháu. Nay nguyện vọng của cháu T mong muốn sống với mẹ. Do đó khi ly hôn ông Q đồng ý cho bà P được quyền trực tiếp nuôi

dưỡng cháu T, cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị P, ông Nguyễn Trọng Q vắng mặt có lý do (nguyên đơn và bị đơn có đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về phần tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện bà Trịnh Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Q và giải quyết việc nuôi con. Ông Quý có địa chỉ cư trú tại: Thôn Phú Cường, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011 (quyển số 01) ngày 08/3/2011 của Ủy ban nhân dân xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng). Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ vợ chồng được xác lập giữa bà P và ông Quý là hôn nhân hợp pháp. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông Quý và bà P thấy rằng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án các đương sự thống nhất thừa nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vì trong cuộc sống vợ chồng tình tình không hợp nên có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn, nên đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Hơn nữa bị đơn ông Quý thừa nhận trước đó

vợ chồng tôi cũng đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng để giải quyết việc ly hôn nhưng vì gia đình, con cái nên vợ chồng đã suy nghĩ lại và rút đơn để vợ chồng về chung sống với nhau. Tuy nhiên khi về chung sống tình cảm vợ chồng không còn được hạnh phúc như trước nên đã sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc và thường xuyên liên lạc mà ai có cuộc sống riêng của người đó, kinh tế độc lập. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà P với ông Quý đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã kéo dài, nguyên đơn bà P và bị đơn ông Quý đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn bà Trịnh Thị P và bị đơn ông Nguyễn Trọng Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, có 01 con chung là cháu là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 24/8/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Trâm do do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Nay bà P yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung là cháu Trâm. Bị đơn ông Quý cũng đồng ý giao cháu Trâm cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa quá trình thụ lý vụ án, nguyện vọng cháu Trâm mong muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 24/8/2012 cho bà P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ: Các đương sự thống nhất không có nợ ai và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết của vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;
Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12
ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị P.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn bà Trịnh Thị P và bị đơn ông Nguyễn Trọng Q.

[2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 24/8/2012 cho bà Trịnh Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Trâm thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nợ: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trịnh Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 019681 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Phú Riềng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng

